TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P** ----------

Bản án số: 05/2020/HSST
Ngày: 17/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Tuân và bà Đặng Thị Thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Thư ký Toà án.

Hôm nay, ngày 17/01/2020, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2019/HSST, ngày 25 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo: **Đỗ Đình L, s**inh năm: 1989; Nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên**;** Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đỗ Đình N, sinh năm 1956**;** Con bà: Nguyễn Thị M, Đã chết**;** Anh, chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ hai**;** Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2017**;** Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 09/9/2019 bị Công an xã D, huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Nhân thân:

+ Ngày 09/01/2009, bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" (tài sản trị giá 750.000 đồng). Chấp hành xong bản án ngày 20/7/2011;

+ Ngày 22/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trị giá 2.788.000 đồng). Chấp hành xong bản án tháng 12/2012;

+ Ngày 14/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trị giá 756.000 đồng). Chấp hành xong bản án ngày 18/01/2013;

+ Ngày 14/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử 02 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trị giá 5.000.000 đồng). Chấp hành xong bản án ngày 25/11/2014;

+ Ngày 24/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trị giá 164.000 đồng). Chấp hành xong bản án ngày 25/7/2016.

L bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại***: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1977;

Trú tại: thôn B, xã R, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; Trú tại: thôn B, xã R, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

/ Những người làm chứng:

1. Ông Đỗ Đình N, sinh năm 1956 (Có mặt);
2. Chị Đào Thị E, sinh năm 1978 (Vắng mặt);
3. Chị Nguyễn Thị F, sinh năm 1986 (Vắng mặt);
4. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991(Vắng mặt);

Đều trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5. Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn B, xã R, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt).

6. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1984.

Trú tại: thôn V, xã Z, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2018, Đỗ Đình L mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38, đăng ký xe mang tên Đỗ Đình L. Khoảng tháng 4 năm 2019, L vay của anh Nguyễn Văn H sinh năm 1974 ở thôn B, xã R, huyện Khoái Châu 5.000.000 đồng và giao lại chiếc xe trên (kèm theo 01 chìa khóa xe và 01 bản phô tô đăng ký xe) cho anh H sử dụng với thỏa thuận khi nào L trả đủ tiền cho anh H thì lấy lại xe. Từ đó, cả hai không liên lạc gì với nhau.

Khoảng 09 giờ ngày 13/9/2019, chị Đỗ Thị P sinh năm 1977 (vợ anh H) cho anh Nguyễn Xuân C sinh năm 1977 ở thôn B, xã R mượn chiếc xe mô tô 89E1-555.38 đi đến cửa hàng gốm sứ Trường Vân thuộc thôn A, xã Đ, huyện K để mua đồ. Anh C dựng chiếc xe mô tô ở rìa đường 39 trước cửa hàng rồi vào cửa hàng mua đồ. Lúc này L đi qua nhìn thấy chiếc xe mô tô, nghĩ rằng do chưa trả tiền cho anh H nên anh H đã bán chiếc xe cho người khác, L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này để sử dụng. L đi về nhà mình lấy chìa khóa phụ của chiếc xe rồi chạy bộ ra vị trí dựng xe. Quan sát xung quanh không có ai, L cắm chìa khóa phụ vào ổ khóa xe, bật khóa điện rồi điều khiển xe về nhà mình cất giấu. Khi L mang xe về thì có ông Đỗ Đình N (bố đẻ L) và chị Phạm Thị T (vợ của L) ở nhà. Cùng ngày, anh Nguyễn Xuân C có đơn trình báo Công an xã Đ. Ngày 30/9/2019 Công an xã Đ đã bàn giao vụ việc cho Công an huyện Khoái Châu giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/9/2019 Đỗ Đình L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô biển số 89E1-555.38 cùng chìa khóa phụ của xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu. Anh C cũng giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc chìa khóa của xe có gắn móc tròn và bấm móng tay.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/KL-ĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Khoái Châu, kết luận: giá trị chiếc xe mô tô biển số 89 E1-555.38 tại thời điểm ngày 13/9/2019 là 12.500.000 đồng.

Đối với ông Đỗ Đình N và chị Phạm Thị T: có biết việc L đã cầm cố xe mô tô biển số 89 E1-555.38 nên khi L mang chiếc xe về nhà thì ông N và chị T cho rằng L đã trả tiền để lấy chiếc xe này về. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với ông N và chị T.

Đối với xe mô tô biển số 89 E1-555.38 và 02 chìa khóa xe máy hiện nay Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS - KC ngày 25/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Đỗ Đình L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

Tại phiên toà hôm nay:

[1]. Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo L như tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS - KC ngày 25/12/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 01/10/2019; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L; Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn B, xã R, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38; 02 chìa khóa xe, trong đó 01 chìa có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda có thêm móc tròn và bấm móng tay; 01 chìa khóa xe có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[2]. Bị cáo L nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất. Ngoài ra, L còn trình bày chiếc chìa khóa xe có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda mà bị cáo đã dùng để mở khóa xe thực hiện hành vi trộm cắp chính là chìa khóa dự phòng của xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38 được nhà sản xuất đính kèm với chiếc xe khi bị cáo mua xe chứ không phải là chìa khóa do bị cáo đi đánh lại. Khi chuyển giao xe cho anh H để vay tiền, bị cáo không giao cho anh H chiếc chìa khóa này là do không nhớ ra, anh H cũng không hỏi chứ không phải bị cáo cố ý giữ lại chiếc chìa khóa dự phòng này để sau đó thực hiện hành vi trộm cắp.

[3]. Người làm chứng ông Đỗ Đình N giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cơ quan điều tra.

[4]. Người bị hại anh Nguyễn Xuân C; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H và những người làm chứng chị Đào Thị E, chị Nguyễn Thị F, chị Phạm Thị T, chị Đỗ Thị P, chị Lê Thị Y, đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292; Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Đình L đã thừa nhận vào ngày 13/9/2019, lợi dụng việc người bị hại là anh Nguyễn Xuân C có sơ hở trong việc quản lý tài sản L đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38 đang trong sự quản lý của anh C với mục đích để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, đơn trình báo và lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản, lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh H, lời khai của những người làm chứng và tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng hơn 09 giờ ngày 13/9/2019, Đỗ Đình L có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số 89 E1- 555.38 giá trị 12.500.000 đồng do anh Nguyễn Xuân C dựng ở trước cửa hàng bán đồ gốm U tại thôn A, xã Đ, huyện K. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Đỗ Đình L theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 05/CT-VKS - KC ngày 25/12/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với ông Đỗ Đình N và chị Phạm Thị T do có biết việc L đã cầm cố xe mô tô biển số 89 E1-555.38 nên khi L mang chiếc xe về nhà thì ông N và chị T cho rằng L đã trả tiền để lấy chiếc xe này về. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông N và chị T là đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Mặc dù chiếc xe L trộm cắp có nguồn gốc là xe của chính bị cáo nhưng bị cáo đã thỏa thuận để người khác được quyền quản lý, sử dụng nên hành vi trộm cắp tài sản đang trong sự quản lý, sử dụng của người khác là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo đã lợi dụng việc người bị hại là anh Nguyễn Xuân C có sơ hở trong việc quản lý tài sản nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách táo tợn ngay giữa ban ngày, thể hiện sự coi thường pháp luật, bất chấp tất cả. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng lười lao động, ăn chơi, đua đòi dẫn đến mắc nghiện chất ma túy, thường xuyên ra tù vào tội, đã nhiều lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 lần về tội "cố ý làm hư hỏng tài sản" nhưng sau khi chấp hành xong các bản án nêu trên bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà ngày 09/9/2019, L lại bị Công an xã D, huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm

hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" đến nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy lần phạm tội này cần phải có mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghiện chất ma túy, không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Thỏa thuận trước đó giữa bị cáo L và anh Nguyễn Văn H liên quan đến việc L vay tiền của anh H và để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38 cho anh H quản lý, sử dụng khi nào L trả số tiền đã vay cho anh H thì anh H sẽ trả lại xe cho L là thỏa thuận dân sự giữa hai bên. Việc L tự ý giữ lại 01 chiếc chìa khóa xe dự phòng mà không nói cho anh H là vi phạm nghĩa vụ trong việc chuyển giao tài sản vì chiếc xe là vật chính còn chìa khóa xe dự phòng là vật phụ, khi chuyển giao vật chính thì phải chuyển giao cả vật phụ theo quy định tại Điều 110 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của người bị hại là anh Nguyễn Xuân C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh H về việc đề nghị Tòa án tuyên giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38; 01 chìa khóa xe có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda có thêm móc tròn và bấm móng tay; 01 chìa khóa xe có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda cho anh C thì thấy rằng tại thời điểm bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp thì chiếc xe trên đang trong sự quản lý hợp pháp của anh C. Do vậy, cần trả lại cho anh C các tài sản nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Xuân C không có yêu cầu đề nghị bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

***Căn cứ*:** Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đình L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử Phạt: Bị cáo Đỗ Đình L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù tính từ ngày tạm giam 01/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Trả cho anh Nguyễn Xuân C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 89E1-555.38; 02 chìa khóa xe trong đó 01 chìa khóa xe có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda có thêm móc tròn và bấm móng tay; 01 chìa khóa xe có phần nhựa tay cầm màu đen in chữ Honda.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS-KC ngày 25/12/2019 của VKSND huyện Khoái Châu).

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2020). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận
- *VKSND tỉnh HY;*
- *TAND tỉnh HY;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh HY;*
- *VKSND huyện K/C;*
- *Chi cục THADS huyện K/C;*
- *UBND xã Đ;*
- *Bị cáo; người bị hại;Người LQ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*